

CHÀO HỎI - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ NGÔN NGỮ - VĂN HÓA TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG HÁN

Lê Thị Như Thủy, Nguyễn Thị Mai Hoa
Trường Đại học Quảng Bình

Tóm tắt. Lời chào là một trong những hình thức gây ấn tượng ban đầu trong quá trình ngôn giao. Mỗi ngôn ngữ khác nhau với những nền văn hóa khác nhau sẽ tạo nên nét khác biệt trong cách chào hỏi. “Sự khác nhau về ngôn ngữ đã dẫn đến sự khác nhau trong cách nhìn nhận cuộc sống” (Federico Fellini). Điều này được thể hiện rõ nhất ở hai nền văn hóa phương Tây và phương Đông với đại diện là nước Anh và nước Trung Quốc. Bài viết tập trung vào những cách thức chào hỏi trong tiếng Anh và tiếng Hán đồng thời chỉ ra những sự khác biệt trong hành vi chào hỏi của người Anh và người Trung Quốc trên cơ sở những khác biệt về văn hóa và ngôn ngữ. Từ đó, giúp người học tiếng Anh, tiếng Hán lựa chọn những cách chào hỏi ứng xử phù hợp nhất trong những tình huống cụ thể khi giao tiếp với người bản xứ.

Từ khóa: Chào hỏi, tiếng Hán, tiếng Anh

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chào hỏi là một trong những hình thức gây ấn tượng ban đầu trong quá trình giao tiếp. Những cuộc hội thoại của những người tham gia giao tiếp có thành công hay không phụ thuộc phần lớn vào hành vi chào hỏi người nói thể hiện lúc ban đầu. Do đó có thể nói lời chào đóng vai trò quan trọng trong giao tiếp ngôn ngữ. Theo Schegloff và Sacks (1973) “Chào được xem như một sự kiện lời nói bao gồm hai mặt không thể tách rời nhau như chào - chào, chào và nhận thông tin”. Ebsworth định nghĩa: “Chào là hành vi ngôn ngữ đầu tiên mà trẻ con học được khi bắt đầu tập nói bằng chính ngôn ngữ của chúng” [2, tr. 115].

Ở hầu hết các ngôn ngữ, chào hỏi là một trong những cách thức nhận biết đầu tiên sự có mặt cũng như xác định mối quan hệ xã hội của những người tham gia giao tiếp. Tuy nhiên, cách thức chào hỏi ở mỗi ngôn ngữ khác nhau sẽ khác nhau phụ thuộc vào ngữ nghĩa và dụng ý của mỗi người khi tham gia giao tiếp. Ở các nước phương Tây như Anh, Mỹ, Pháp hay các nước nói tiếng Anh, con người thường rất cởi mở và phóng khoáng, do đó họ thường chào hỏi nhau bằng cách hôn tay, hôn má trong khi ở các nước phương Đông như Việt Nam, Trung Quốc, con người thường kín đáo và lễ nghi hơn, người ta thường có những cách thức chào cũng hết sức tế nhị và mang đậm phong cách, văn hóa của người phương Đông.

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi tập trung vào cách thức chào hỏi của người Anh và người Trung Quốc, so sánh và tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp và ngữ dụng của hành vi chào hỏi trong tiếng Anh và tiếng Hán. Từ đó, người Việt Nam học tiếng Anh và tiếng Hán có thêm những hiểu biết về văn hóa chào hỏi của hai ngôn ngữ này, nhằm đạt được mục đích giao tiếp một cách hiệu quả.

2. NỘI DUNG

2.1. Hành vi chào hỏi trong tiếng Anh

2.1.1. Khái niệm hành vi “chào” trong tiếng Anh

Từ điển Oxford Advanced Learners định nghĩa “greet” (lời chào) như sau: “*Greet*” là gửi lời chào đến ai/ người nào. Muốn thực hiện được lời chào, điều kiện duy nhất là những người tham gia giao tiếp phải gặp nhau trực tiếp, để tạo ra những hành vi chào thành công nếu người đối thoại nắm bắt được kiểu chào đó dành cho mình.

Ví dụ: A: *Hello.*

B: *Hello.*

Có rất nhiều hình thức có thể sử dụng để chào trong tiếng Anh. Goffman cho rằng “*Nhìn chung, lời chào rất đa dạng từ những tình huống trang trọng cho đến thân mật*” [3]. Có thể chia hành vi chào hỏi trong tiếng Anh thành hai loại: hành vi chào hỏi trang trọng và hành vi chào hỏi thân mật.

2.1.2. Hành vi chào hỏi trang trọng

Người Anh thường sử dụng các tước hiệu như Sir., Madam., Mr., Mrs. trước tên riêng trong các hành vi chào hỏi trong những trường hợp trang trọng, mang tính chất lễ nghi và thường là với những người có tuổi tác, địa vị xã hội cao hơn, ví dụ:

- *Good morning, sir/madam.*

- *Good evening, Mr. Richard.*

- *Good bye, Mrs. Jane.*

Với những tình huống trang trọng, người giao tiếp có thể sử dụng nhiều cách chào khác nhau. Trong những cuộc họp, hội nghị, văn phòng khi chào hỏi giữa người nói và khách mời thường trang trọng, lịch sự, thể hiện sự tôn trọng của người nói đối với người nghe.

- *Good morning, Sir.*

- *Good morning, Ladies and Gentlemen.*

Khi những người tham gia hội thoại mới gặp nhau lần đầu tiên, họ thường dùng những cách thức chào trang trọng để giới thiệu, làm quen như:

- *Good morning/ Good afternoon/ Good evening*

- *Nice to meet you/ Glad to meet you.*

2.1.3. Hành vi chào hỏi thân mật

Trong những tình huống thân mật, khi những người tham gia giao tiếp có mối quan hệ bạn bè hoặc có địa vị xã hội ngang bằng nhau, hành vi chào hỏi trong tiếng Anh thường là lời chào + tên riêng, ví dụ:

- *Good afternoon, Susan.*

- *Hello, Alice.*

- *Good bye, Stephanie.*

Ngoài ra, người Anh còn sử dụng rất nhiều những từ, những cụm từ sau để chào nhau như hỏi thăm sức khỏe, chúc mừng sinh nhật, chúc Giáng sinh vui vẻ ...

- *Hello, Hi, How are you?*

- *Hello, nice to meet you!*
- *Merry Christmas!*
- *Happy New Year!*
- *Happy birthday!*
- *How do you do?*

Những cụm từ như “*Hello*”, “*Hi*”, “*How have you been?*”, “*How’s thing?* ...thường được dùng khi những người tham gia giao tiếp đã trở nên thân mật, quen biết nhau từ trước và giữa họ không có khoảng cách xã hội, tuổi tác hay nghề nghiệp.

Trong hội thoại dưới đây, 2 nhân vật Enrique và Lyn là những đồng nghiệp của nhau, họ tình cờ gặp nhau trên đường. Do đó, ngôn ngữ họ sử dụng khi chào nhau rất thân mật, không khách sáo.

Enrique: Hello, Lyn

Lyn: Hello. Enrique.

Enrique: Nice to meet you, Lyn.

Lyn: Nice to meet you, Enrique.

Thỉnh thoảng, trong tiếng Anh, chúng ta cũng bắt gặp những cách chào sử dụng lối nói lóng, thường được sử dụng trong các tình huống thân mật, đặc biệt đối với thanh thiếu niên, khi khoảng cách xã hội và tuổi tác giữa họ là không đáng kể. Ví dụ:

- *Hey, What's up? Hey, there, Howdy”*

- *Hiya”, Yo, G’day, How’s it going?*

Chẳng hạn Sandy và bạn của cô ấy gặp nhau khi đang chạy trên đường đua, họ chào nhau:

Sandy: Hey! Jin

Jin: What's up?

Ngoài ra, người Anh còn có rất nhiều cách thức chào hỏi khác nhau phụ thuộc vào từng tình huống, ngữ cảnh khác nhau. Trong giao dịch công việc, kinh doanh, người Anh thường chào nhau bằng cách bắt tay, ôm hôn xã giao. Với những người bạn thân thiết, người Anh thường chào nhau bằng cách hôn tay, hôn má, cách chào này thường là giữa đàn ông với phụ nữ.

Các cách chào của người Anh có sử dụng ngôn ngữ cơ thể như cử chỉ, nét mặt, điệu bộ được minh họa trong Hình 1, Hình 2 và Hình 3.



Hình 1. Chào hỏi bằng cách hôn tay.



Hình 2. Chào hỏi bằng cách ôm hôn nhau.



Hình 3. Chào hỏi bằng cách đưa tay lên chào.

2.2. Hành vi chào hỏi trong tiếng Hán hiện đại

Cũng như trong tiếng Anh, chào hỏi là cách thức mà chủ thể giao tiếp sử dụng lời nói để biểu thị sự quan tâm, chú ý của mình đến đối tượng giao tiếp. Do các đối tượng tham gia giao tiếp có nhiều mối quan hệ khác nhau nên cách chào hỏi trong tiếng Hán cũng có thể chia ra làm hai loại: lời chào hỏi trang trọng và lời chào hỏi thông thường.

2.2.1. Cách chào hỏi trang trọng

Cách chào hỏi trang trọng được dùng nhiều trong các trường hợp giao tiếp chính thức như trong các cuộc họp, hội nghị, trong lớp học, chương trình thời sự..., là những nơi yêu cầu lời chào ngắn gọn, nghiêm túc, trang trọng, lịch sự. Vì vậy, mô thức chào hỏi trang trọng thường xuất hiện dưới một cấu trúc cố định sau:

Đại từ nhân xưng ngôi thứ hai + 好!

Ở cấu trúc này, chào hỏi người bằng tuổi hoặc dưới tuổi, người Trung Quốc hay dùng “你好!”, nhưng với người trên tuổi họ lại dùng “您好” để thể hiện sự kính trọng của mình đối với đối tượng giao tiếp. Nếu số người tham gia giao tiếp là số nhiều thì chỉ sử dụng một cách chào: “你们好!” mà không dùng “您们好!”.

2.2.2. Cách chào hỏi thông thường.

- Chào bằng cách hỏi

Được dùng nhiều trong đời sống hàng ngày, thể hiện sự quan tâm của người nói đến tình hình sức khỏe, công việc, đời sống, gia đình, học tập ... của đối tượng giao tiếp. Ví dụ: “最近忙不忙?” (Gần đây có bận lắm không?), “最近过得怎么样?” (Dạo này cậu sống thế nào?), “学习忙不?” (Học có bận không?) “工作忙吗?” (Công việc có bận không?) ... Có khi sự quan tâm của người nói được biểu thị tự nhiên tùy thuộc vào bối cảnh giao tiếp cụ thể. Chẳng hạn, đến giờ ăn cơm gặp người quen trên đường hỏi một câu “您吃了没有?” (Cô ăn cơm chưa?); thấy người hàng xóm đi chợ “您买菜去呀?” (Bác đi chợ à?), “您到哪儿去?” (Bác đi đâu thế?); gặp cháu bé đi học về thì chào “你放学了吗?” v.v... Với loại câu hỏi này, đối tượng giao tiếp không nhất thiết phải trả lời mà tùy theo tình hình để trả lời hoặc có thể cười hay gật đầu thay cho câu trả lời. Cũng có khi chủ ngữ được tinh lược khi đối tượng cần giao tiếp là người nhỏ tuổi hơn hay ngang hàng với chủ thể giao tiếp “干活呢?” (đi làm đấy à?), “回来啦?” (Về rồi à?), “买菜去呀?” (đi chợ à?), “散步去啊?” (đi dạo bộ à?).

- Chào bằng cách gọi

Với người Trung Quốc, “gọi” cũng là cách chào. Khi hai bên gặp gỡ, chủ thể giao tiếp có thể trực tiếp gọi tên đối tượng giao tiếp: “张东!” (Trương Đông!), “明明!” (Minh Minh!)... Có thể dùng từ xưng hô trong quan hệ thân tộc để gọi đối tượng giao tiếp: “叔叔!” (Chú!), “阿姨!” (Dì!) nhằm thu hẹp khoảng cách giữa hai bên, tạo dựng quan hệ tình cảm thân mật, gần gũi, đạt tới hiệu quả giao tiếp cao.

Ngoài hai cách chào nói trên, người Trung Quốc thích gọi tên nghề nghiệp, chức vụ, chức danh của những người có địa vị xã hội tương đối cao để thể hiện thái độ lịch sự, trang trọng và sự tôn trọng của mình đối với đối tượng giao tiếp. Ví dụ: “王总” (Tổng giám đốc Vương!), “黄校长” (Hiệu trưởng Hoàng!), “张教授” (Giáo sư Trương!), “黎大夫” (Bác sĩ Lê!)

Mặc dù mô thức gọi được sử dụng khá phổ biến trong tiếng Hán, song trong quá trình giao tiếp người sử dụng vẫn phải chú ý đến thứ bậc và quan hệ giữa chủ thể giao tiếp và đối tượng giao tiếp để lựa chọn một cách gọi phù hợp, sao cho lời chào vừa thể hiện được thái độ lịch sự, tôn trọng lại vừa phù hợp với thân phận.

- *Chào bằng cách xác nhận*

Khi chào nhau thường xác nhận lại chính đối tượng giao tiếp, đó là thói quen trong giao tiếp của người Trung Quốc để thể hiện sự ngạc nhiên và vui mừng của mình khi gặp mặt bạn bè và người quen cũ.

小云: 嘿, 张红! (Chị Trương Hồng!)

张红: 哟, 小云, 是你呀? (Ồ, Tiểu Vân, là em đây à?)

Bên cạnh việc xác nhận lại chính đối tượng giao tiếp, người Trung Quốc cũng có thói quen xác nhận lại cả sự xuất hiện và tồn tại của đối tượng giao tiếp:

女儿 (con gái): 妈妈, 你回来了! (Mẹ, mẹ về rồi ạ!)

妈妈 (mẹ): 回来了。(Ừ, mẹ về rồi)

小梅 (Tiểu Mai): 明明! (Minh Minh!)

明明 (Minh Minh): 梅姐, 你也在啊? (Chị Mai, chị cũng ở đây ạ?)

Hoặc ngược lại xác nhận với đối tượng giao tiếp bằng sự xuất hiện của chủ thể giao tiếp:

女儿 (con gái): 我回来啦, 妈妈! (Mẹ ơi, con về rồi đây!)

妈妈 (Mẹ): 哦, 你回来了, 快把行李放下啊! (Ồ! Con về rồi à, mau bỏ hành lý xuống đi con).

Có thể nói, chào theo cách thức xác nhận là một mô thức chào hỏi khá độc đáo trong tiếng Hán hiện đại, bởi nó phù hợp với truyền thống coi trọng tình cảm của người dân Trung Quốc.

Với những người chưa quen biết, khi chào hỏi nên sử dụng những từ ngữ lịch sự để thể hiện sự tôn trọng, khách khí, chẳng hạn bắt đầu như: “不好意思” (Thật áy náy/Thật ngại khi phải...) “打扰一下” (Xin làm phiền một chút) “请问” (Xin hỏi) “抱歉” (Rất lấy làm tiếc) “对不起” (Xin lỗi) “冒昧地问一声” (Mạn phép xin hỏi một chút)...

- *Chào dựa vào thời gian*

Dựa vào khoảng thời gian gặp gỡ trong ngày như sáng, trưa, chiều, tối để chào. Chẳng hạn, buổi sáng gặp mặt chào người lớn tuổi có thể dùng cách nói: “您早” (Ông/bà/anh/chị/em + (buổi) sáng; chào buổi sáng ông/bà/anh/chị); người trên chào người dưới hoặc giữa những người cùng bậc có thể dùng các cách chào: “早! (Buổi) sáng!; chào buổi sáng); “早上好!” “早好/早上好” (Buổi sáng tốt lành; chào buổi sáng) và chỉ sử dụng vào trước 9 giờ sáng, sau 9 giờ thì không dùng từ “早!”. Buổi tối gặp mặt tương tự có cách chào: “晚上好” (Buổi tối tốt; chào buổi tối). Có cách nói tinh lược “早!” (“早!” (Buổi) sáng!; chào buổi sáng) nhưng không có cách nói tinh lược “晚”, “晚” (Buổi) tối!; chào buổi tối). “下午好, 晚上好!” chỉ sử dụng phần lớn trong hội nghị, hội thảo...

- Lời chào chúc mừng

Là cách chào được sử dụng khá linh hoạt vì nó không bị hạn chế bởi bối cảnh giao tiếp và thứ bậc của đối tượng giao tiếp. Vào dịp lễ, tết, ngày trọng đại, ngày đặc biệt, khi gặp mặt người quen, người thân, bạn bè, người Trung Quốc thường chào nhau bằng những lời chúc tốt lành: “新年快乐” (Chúc năm mới vui vẻ), “春节好” (Chúc mùa xuân tốt đẹp), “恭喜发财” (Chúc phát tài), “万事如意” (Chúc vạn sự như ý), “学习进步” (Chúc học hành tiến bộ), “工作顺利” (Chúc công tác thuận lợi), “一路顺风” (Chúc thượng lộ bình an) “考试顺利” (Chúc thi tốt), “祝百年幸福, 白头偕老” (Chúc trăm năm hạnh phúc, đầu bạc răng long) “恭喜你, 喜得贵子” (Chúc mừng sinh quý tử) hoặc những lời khen ngợi: “你今天真漂亮!” (Hôm nay trông em xinh quá), “你穿的裙子真好看” (Em mặc bộ váy này thật đẹp), “你今天打扮真年轻” (Hôm nay em trang điểm trông rất trẻ trung),...

- Lời chào thể hiện mức độ thân quen

Là cách chào được thể hiện bằng việc thêm họ hoặc họ tên của đối tượng giao tiếp ở trước hoặc sau:

Tên gọi + / đại từ nhân xưng ngôi thứ hai + 好 / + Tên gọi!

giúp cho lời chào trở nên uyển chuyển, làm tăng thêm sự thân mật giữa hai bên giao tiếp và thông thường những người quen thân nhau mới sử dụng cách xưng hô này.

Ví dụ:

“你好! 安娜” (Chào em, Anna!)

“张东, 你好!” (Trương Đông, chào anh!)

hoặc được thể hiện bằng cách thêm “大/小 / 老” trước tên gọi của đối tượng giao tiếp. Khi người lớn tuổi hơn chủ thể giao tiếp thì xưng 大 + họ, với người ít tuổi hơn chủ thể giao tiếp thì xưng 小 + họ, hoặc hai người lớn tuổi, có độ tuổi ngang nhau cũng có thể xưng thế này: 老 + họ.

Ví dụ:

“大刘, 您好!” (Anh Lưu, chào anh!)

“小丁, 你好!” (Em Đinh, chào em!)

“老李, 你好!” (Bác Lý, chào bác!) hoặc (Ông Lý, chào ông!)

2.3. So sánh hành vi chào hỏi trong tiếng Anh và tiếng Hán

2.3.1. Sự tương đồng

Nhìn chung, người Anh và người Trung Quốc đều có những điểm giống nhau khi thực hiện lời chào. Họ đều rất thân thiện, lịch sự và thường có thái độ tôn trọng lẫn nhau. Do đó, họ có xu hướng dùng lời chào gián tiếp để tăng tính lịch sự, tôn trọng nhau, giúp cho các hội thoại dễ dàng thành công.

Hành vi chào hỏi trong tiếng Anh cũng như trong tiếng Hán thường đi kèm với việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể như cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, những cái bắt tay, ôm hôn nhau. Tất cả được thể hiện khá rõ nét tùy theo địa vị xã hội, tuổi tác của những người tham gia giao tiếp trong lời chào của người Anh và người Trung Quốc.

Người Anh và người Trung Quốc đều thích sử dụng các hình thức câu nghi vấn để chào nhau:

Trong tiếng Anh: “*How do you do?*” (Bạn khỏe không?)
“*Thanks, I’m so so*”. (Cám ơn, cũng tạm ổn)

Trong tiếng Hán “*你好吗?*” (Bạn khỏe không?)

“*谢谢。很好/还可以/马马虎虎*” (Cám ơn. Rất khỏe/cũng tạm ổn/tạm tạm).

2.3.2. Sự khác biệt

Các chủ đề, các câu hỏi và các cách diễn đạt tình cảm của người Anh và người Trung Quốc dùng để chào hỏi nhau cũng có nhiều điểm khác nhau. Đối với các chủ đề, người Anh thường tập trung vào các chủ đề như thời tiết, âm nhạc, thể thao, ẩm thực,... như “*How are you?*”, “*How have you been?*”, “*How are you doing?*”... trong khi người Trung Quốc thường hay đề cập đến các chủ đề thuộc về cá nhân như công việc, gia đình, bạn bè, sức khỏe, tình yêu,...

Trong tiếng Anh, hầu hết các lời chào đều được sử dụng cho tất cả các đối tượng giao tiếp, không phân biệt tuổi tác, sự lựa chọn từ xưng hô theo giới tính, giai tầng xã hội như trong tiếng Hán. Cụm từ *Good morning!* có thể được dùng cho tất cả mọi người, mọi đối tượng sử dụng như một lời chào vào buổi sáng, không phân biệt giới tính, tuổi tác, địa vị xã hội.

Người Trung Quốc thể hiện lời chào hỏi theo kiểu chúc mừng tùy theo từng ngữ cảnh cụ thể, đó cũng là một trong những điểm khác biệt thú vị trong văn hóa chào hỏi. Tuy nhiên cần lưu ý, việc gọi tên bố mẹ, thầy cô giáo, cấp trên, người lớn tuổi vẫn là điều “cấm kỵ” trong đời sống hàng ngày của người Trung Quốc. Vì thế, cách này chỉ thường được sử dụng giữa những người có cùng địa vị xã hội hoặc người có địa vị xã hội cao hơn.

3. KẾT LUẬN

Hành vi ngôn ngữ chào trong tiếng Anh và tiếng Hán rất đa dạng và phong phú. Ngoài những điểm giống nhau mà người Anh và người Trung Quốc thường sử dụng khi tạo ra các phát ngôn chào, lời chào trong tiếng Anh và tiếng Hán còn có những điểm khác biệt nhất định do sự khác biệt về văn hóa và ngôn ngữ tạo ra. Từ góc nhìn ngôn ngữ - văn hóa, bài viết đã cố gắng tìm ra những đặc trưng cơ bản của hành vi chào hỏi trong tiếng Anh và tiếng Hán. Từ đó giúp người dạy, người học nắm vững đặc trưng văn hóa, truyền thống của hai dân tộc và lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp bối cảnh giao tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Anh

- [1] Eisentein Ebsworth (1996), *Cross - cultural Realization of Greeting in American*.
- [2] Eisentein Ebsworth (1996), *Cross - cultural Realization of Greeting in American English*, Berlin: Muonton de Gruyter.
- [3] Goffman, E. (1971), *Relations in Public: Microstudies of the Public Order*, NewYork: Basic Books.

Tiếng Trung

- [4] 刘佳爱 (2001), 《英汉招呼语对比研究》, 曲阜师范大学-硕士学位论文。
- Luu Giai Ái (2001), *So sánh lời chào trong tiếng Anh và tiếng Hán*, Luận văn học vị Thạc sỹ - Đại học Sư phạm Khúc Phụ.
- [5] 陈继光 (1997), 《礼貌礼节礼仪》, 中山大学出版社。
- Trần Kế Quang (1997), *Lễ phép - Lễ tiết - Lễ nghĩa*, Nxb Đại học Trung Sơn.
- [6] 王德春 (1990), 《语言学概论》, 上海外语教育出版社。
- Vương Đức Xuân (1990), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục ngoại ngữ Thượng Hải.

GREETINGS - A LOOK THROUGH LANGUAGE - CULTURE IN ENGLISH AND IN CHINESE

Abstract. *Greeting is one of the best ways to make the first impression in communication. However, "A different language is a different vision of life." (Federico Fellini, Italian film director). In addition, different culture also makes different ways in greetings. It is expressed very clearly in The West and East culture. In this paper, we would like to focus on the ways of greetings and point out the differences in manners of greetings of the English and Chinese community. Accordingly, learners can decide the most appropriate behaviors in specific situations in communication with native speakers.*

Key words: *greetings, English, Chinese*

